

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2020
V/v Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các hội thẩm nhân dân : 1, Ông Trần Hữu Thọ

2, Ông Nguyễn Đức Khởi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Minh - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/ TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc: “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Thông báo mở phiên tòa số 64/2020/TB - TA ngày 15/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Linh A - sinh năm 1992

Địa chỉ: Số nhà 12, tiểu khu 7, thị trấn P, huyện P, tỉnh S(có mặt).

- Bị đơn: A Nguyễn Ngọc N - sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện T, tỉnh P(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Trong đơn khởi kiện ngày 28/4/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Linh A trình bày:

Chị kết hôn với A Nguyễn Ngọc N ngày 02/6/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau. Đầu năm 2020 mâu thuẫn trầm trọng chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn A N.

Về con chung: Chị A xác nhận chị và A N có 01 con chung là Nguyễn N A, sinh ngày 14/11/2018, hiện nay đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị A đề nghị Tòa án giải quyết

cho chị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu A N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị A xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, cho vay, công sức: Chị A xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2, Phía bị đơn A Nguyễn Ngọc N: Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng A N đều vắng mặt.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2020 bà Trần Thị P (mẹ đẻ A N) trình bày: Chị A và A N kết hôn ngày 02/6/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng A chị mâu thuẫn với nhau, chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị A xin ly hôn, hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không được, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng căng thẳng nên A N và bà cũng nhất trí để A chị ly hôn.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã T ngày 19/8/2020 thấy rằng A N có hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. A chị có đăng ký kết hôn ngày 02/6/2017 tại UBND xã T, huyện T. Quá trình chung sống A chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn với nhau. Cuộc sống căng thẳng nên chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Nay chị A xin ly hôn A N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử: Cho chị Phạm Linh A được ly hôn A Nguyễn Ngọc N.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn N A, sinh ngày 14/11/2018 cho chị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. A N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị A tự nguyện không yêu cầu. A N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: Chị A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Linh A phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật trA chấp: Đây là trA chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn A Nguyễn Ngọc N: Tòa án đã gửi và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở phiên tòa nhưng A N đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vắng mặt A N.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị A và A N là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 02/6/2017. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị A và A N được tự nguyện tìm hiểu nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa A chị đã có vết rạn nứt. Chị A cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau. Đầu năm 2020 mâu thuẫn trầm trọng chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn A N. Tòa án đã báo gọi nhiều lần, A N có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị A và A N nhưng A không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2020 bà Trần Thị P (mẹ đẻ A N) cho biết chị A và A N chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng A chị mâu thuẫn với nhau, chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị A xin ly hôn, hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không được, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng căng thẳng nên A N và bà cũng nhất trí để A chị ly hôn. Ngày 19/8/2020 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị A và A N được chính quyền địa phương cho biết quá trình chung sống A chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn với nhau. Cuộc sống căng thẳng nên chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng A chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không có, vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai. Vì vậy, cần xử cho chị A được ly hôn A N là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị A và A N có 01 con chung là Nguyễn N An, sinh ngày 14/11/2018, hiện nay đang ở cùng chị A. Khi ly hôn chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu A N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cháu An còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên giao cho chị A được quyền trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng con chung, A N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị A tự nguyện không yêu cầu là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: Chị A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị A phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1, Xử: Cho chị Phạm Linh A được ly hôn A Nguyễn Ngọc N.

2, Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn N An, sinh ngày 14/11/2018 cho chị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. A N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị A tự nguyện không yêu cầu. A N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3, Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: Chị A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4, Về án phí: Chị Phạm Linh A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002607 ngày 28/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- UBND xã Tề Lễ.
- Lưu HS - VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền